TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:25/2017/HSST
Ngày 15 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lèo Thị Chan.

2. Bà Bùi Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Mai là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/HSST-QĐ ngày 28/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Hàng A S, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1988; nơi ĐKNKTT: Tiểu khu PKI, thị trấn nông trường MC1, huyện MC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông: Hàng A L, con bà: Giàng Thị M; bị cáo có vợ là Tráng Thị G và 04 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hàng A N, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1989; nơi ĐKNKTT: Tiểu khu PKI, thị trấn nông trường MC1, huyện MC, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: Không. Con ông: Hàng A Đ, con bà: Giàng Thị Ch (Giàng Thị S); bị cáo có vợ là Tráng Thị M1 và 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Tráng Thị G, sinh năm 1989, nơi ĐKNKTT: Tiểu khu PKI, thị trấn Nông trường MC1, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Tráng Thị M1, sinh năm 1989, nơi ĐKNKTT: Tiểu khu PKI, thị trấn Nông trường MC1, huyện MC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Hàng A S, Hàng A N bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 11 giờ 15 phút ngày 30/7/2017, tổ công tác Công an huyện YC, tỉnh Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực bản HT, xã CH, huyện YC, tỉnh Sơn La đã phát hiện và bắt quả tang Hàng A S, Hàng A N đang có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 06 gói nilon bên trong chứa các viên nén màu hồng (S, N khai là hồng phiến); 02 xe máy; 02 điện thoại di động cùng một số giấy tờ khác.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YC thành lập hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định trọng lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định: 06 gói nilon chứa 1.145 viên nén màu hồng, tổng trọng lượng 110,38 gam; trích trong 06 túi, tổng trọng lượng 4,35 gam ký hiệu từ S1 đến S6 làm mẫu trưng cầu giám định.

Tại kết luận giám định số 783/KLMT ngày 02/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận:

" - *Mẫu gửi giám định ký hiệu S1, S2, S3, S4, S5, S6 là chất ma túy; loại chất Methamphetamine.Tổng trọng lượng của mẫu gửi giám định là 4,35 gam.*

-Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 110,38 gam; loại chất Methamphetamine".

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

Ngày 25/7/2017, Hàng A S đi xe máy từ nhà đến bản HT, xã CH, huyện YC, tỉnh Sơn La S gặp một người đàn ông không quen biết đặt vấn đề mua 06 túi hồng phiến với giá 8.000.000VNĐ/1 túi. S đồng ý và hẹn sáng ngày 30/7/2017 gặp nhau ở khu vực xã CH, huyện YC để giao ma túy và nhận tiền.

Khoảng 06 giờ ngày 26/7/2017, S đem theo 10.000.000VNĐ đi bộ theo đường tiểu ngạch sang Lào, S vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ hỏi mua được 05 túi hồng phiến với tổng số tiền 15.000.000VNĐ, S trả trước 10.000.000VNĐ còn lại 5.000.000VNĐ S nợ lại khi nào bán xong ma túy thì mang tiền sang trả, sau khi mua được ma túy S mang về nhà cất giấu.

Ngày 29/7/2017, S sang nhà Hàng A N (em họ S), S nói với N ở YC có người đặt mua 06 túi hồng phiến với giá 8.000.000VNĐ/ 1túi, hiện S mới mua được 05 túi hồng phiến, S bảo N tìm mua thêm 01 túi hồng phiến góp cho đủ 06 túi để cùng S đem đi bán, S sẽ cho N 4.000.000VNĐ, N đồng ý. N gọi điện cho một người phụ nữ Mông ở bên Lào, N quen trước đó (nhưng không nhớ tên, địa

chỉ) hỏi mua nợ 01 túi hồng phiến, bán xong thì trả tiền, người phụ nữ đồng ý bán với giá 6.500.000VNĐ/ 1 túi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, có một người đàn ông không quen biết dân tộc Mông đem đến nhà cho N 01 túi hồng phiến rồi đi về. N cầm túi hồng phiến sang nhà đưa cho S, S nhận túi hồng phiến và bỏ vào cốp xe máy, hai người hẹn nhau sáng ngày 30/7/2017 cùng đem đi bán. Đến 05 giờ ngày 30/7/2017, S điều khiển xe máy BKS: 26G1 – 002.20 giấu 06 túi hồng phiến trong cốp, N điều khiển xe máy BKS: 29S2 – 7766 cùng đi lên xã CH, YC, khi đi gần tới điểm hẹn S dừng lại, mở cốp xe lấy 06 túi hồng phiến bỏ vào túi áo rồi tiếp tục đi, khi S và N đi đến khu vực bản T, xã CH, huyện YC thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án: Các bị cáo khai mua của hai người phụ nữ dân tộc Mông, nước CHDCND Lào nhưng S, N không biết tên, địa chỉ cụ thể của hai người phụ nữ đó. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra mở rộng vụ án.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 1091/VKS-P1 ngày 23/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Hàng A S, Hàng A N về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Hàng A S, Hàng A N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hàng A S 15 năm tù.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hàng A N từ 13 đến 14 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 30/7/2017 Hàng A S, Hàng A N bị bắt quả tang tại khu vực bản HT, xã CH, huyện YC, tỉnh Sơn La khi đang trên đường vận chuyển 110,38 gam Methamphetamine đi bán kiếm lời.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 30/7/2017, tại bản HT, xã CH, huyện YC, tỉnh Sơn La đối với Hàng A S, Hàng A N cùng vật chứng thu giữ là 06 gói nilon màu xanh bên trong chứa các viên nén màu hồng, các bị cáo khai là Hồng phiến.

- Biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng do Công an huyện YC lập ngày 30/7/2017; Kết luận giám định số 783/KLMT ngày 02/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận: "*Các mẫu gửi giám định đều là chất ma túy; loại chất Methamphetamine. Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ là 110,38 gam; loại chất Methamphetamine*".

- Lời khai nhận tội của bị cáo Hàng A S, Hàng A N tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên đã có đủ cơ sở kết luận: Hàng A S, Hàng A N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự.

[3] Khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép 110,38 gam loại chất Methamphetamine, vi phạm tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự: *"Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam"* có mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

[4] Xét về vai trò của các bị cáo: Hàng A S là người chủ mưu, khởi sướng, trực tiếp trao đổi với người mua ma túy, rủ Hàng A N góp ma túy để mang đi bán nên bị cáo giữ vai trò chính. Bị cáo Hàng A N là người bị rủ rê, mua ma túy góp cùng S mang đi bán nên bị cáo giữ vai trò đồng phạm.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hàng A N tham gia với vai trò đồng phạm cần áp dụng Điều 53 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Do đó, cần mở lượng khoan hồng giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo cơ hội cho các bị cáo cải tạo, rèn luyện thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 106,03 gam loại chất Methamphetamine còn lại sau khi đã trích mẫu giám định xét thấy đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu sơn vàng, BKS 26G1 – 002.20 thu giữ khi bắt quả tang Hàng A S; 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Win 100 màu đen BKS 29S2 – 7766 thu giữ của Hàng A N. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định hai chiếc xe máy trên là tài sản chung của gia đình các bị cáo, việc các bị cáo sử dụng xe đi mua bán trái phép chất ma túy vợ các bị cáo không biết, không liên quan, lẽ ra cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe, song xét thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, đây là phương tiện duy nhất phục vụ sinh hoạt hàng ngày của gia đình, tại phiên tòa vợ các bị cáo là Tráng Thị G và Tráng Thị M1 đề nghị xin lại chiếc xe, cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 thu giữ của bị cáo Hàng A S, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A126 thu giữ của bị cáo Hàng A N. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là phương tiện các bị cáo đã sử dụng để liên lạc phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Hàng A N, xác định đây là giấy tờ của bị cáo, cần trả lại cho bị cáo Hàng A N.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định chung của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Hàng A N, Hàng A S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1.Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Hàng A S 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2017.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Hàng A N 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2017.

Miễn hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Một chiếc phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La phát hành, còn nguyên niêm phong mặt trước có ghi: "Vật chứng nhập kho vụ Hàng A S; HKTT: Tiểu khu PKI, thị trấn Nông trường MC1, huyện MC, tỉnh Sơn La cùng đồng bọn – Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 30/7/2017. Trọng lượng 106,03 gam". Mặt sau phong bì có 02 hình dấu tròn đỏ của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La, dấu điểm chỉ của bị can, chữ ký, dòng ghi họ tên của thành phần tham gia niêm phong.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A126, vỏ màu đỏ, đen, 2IMEI có 04 số cuối 9506; 9514 kèm 01 sim trong máy (thu giữ của bị cáo Hàng A N); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen, IMEI có 04 số cuối 829/8 kèm 01 sim trong máy (thu giữ của bị cáo Hàng A S).

- Trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tráng Thị G: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn vàng, BKS 26G1-00220, xe có số máy SM 5C64619887, số khung SK – BY619884, xe không hoạt động được, vỏ ngoài xe bị vỡ, không có gương, chìa khóa (thu giữ của bị cáo Hàng A S).

- Trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tráng Thị M1: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Win 100, màu sơn màu đen, BKS 29S2 - 7766, xe có số máy SMHABAE 1003501, số khung SKMH1HABA 15VK003386, xe không hoạt động được, vỏ ngoài xe bị vỡ, không có gương, chìa khóa (thu giữ của bị cáo Hàng A N).

- Trả cho bị cáo Hàng A N: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hàng A N, có số 050612118 do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 31/7/2006.

3. Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/12/2017)./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Phòng PC47-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV – THAHS;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tòng Thị Hiền